

Số: 30/2026/NQ-HĐND

Phú Thọ, ngày 12 tháng 8 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 5 của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 73/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2026 - 2030

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 70/2025/UBTVQH15 ngày 07 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026 - 2030 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 120/2026/UBTVQH15;

Xét Tờ trình số 695/TTr-UBND ngày 04 tháng 8 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 201/BC-BKTNS ngày 10 tháng 8 năm 2026 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; Báo cáo tiếp thu, giải trình số 336/BC-UBND ngày 11 tháng 8 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 5 của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 73/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2026 - 2030.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 5 của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 73/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2026 - 2030, như sau:

“3. Định mức phân bổ

a) Ngân sách cấp tỉnh

Phân bổ 70% để thực hiện các chương trình, nhiệm vụ theo nghị quyết, đề án của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh (trong đó bao gồm Đề án đo đạc lập hồ sơ địa chính của địa phương); đối ứng Chương trình mục tiêu quốc gia, đối ứng ODA, công tác quy hoạch, chuẩn bị đầu tư, thực hiện bồi thường giải phóng mặt bằng các khu công nghiệp... và các ngành, lĩnh vực cấp tỉnh; trong đó phân bổ cho các ngành, lĩnh vực và tuân thủ thứ tự ưu tiên bố trí vốn theo quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước và các nội dung nguyên tắc chung tại Quy định này; hỗ trợ các xã, phường nơi triển khai các dự án (do cấp tỉnh tổ chức thực hiện thu) có thu tiền sử dụng đất lớn, mức hỗ trợ được xác định theo quy mô dự án và tỷ lệ % x số thu thực nộp vào ngân sách cấp tỉnh (sau khi trừ chi phí đấu giá quyền sử dụng đất, kinh phí bồi thường giải phóng mặt bằng, tái định cư, kinh phí đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, quy hoạch... của dự án), nhằm tạo nguồn vốn để đầu tư các công trình, dự án, tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của các xã, phường nơi triển khai dự án. Cụ thể: đối với dự án có số thu tiền sử dụng đất từ 300 tỷ đồng đến 1.000 tỷ đồng, tỷ lệ 5%, nhưng không quá 40 tỷ đồng/dự án; đối với dự án có số thu tiền sử dụng đất từ trên 1.000 tỷ đồng đến 5.000 tỷ đồng, tỷ lệ 4%, nhưng không quá 150 tỷ đồng/dự án; đối với dự án có số thu tiền sử dụng đất từ trên 5.000 tỷ đồng trở lên, tỷ lệ 3%, nhưng không quá 250 tỷ đồng/dự án.

- Phân bổ 30% (phần ngân sách trung ương giao) hỗ trợ cho cấp xã để thực hiện các nhiệm vụ chương trình, dự án đúng quy định pháp luật thuộc các ngành, lĩnh vực theo phân cấp; ưu tiên các xã miền núi, các xã có nguồn thu thấp nhưng cũng khuyến khích các xã, phường có nguồn thu cao tích cực triển khai các dự án hạ tầng đấu giá đất để tạo nguồn thu cho tỉnh. Mức vốn phân bổ cho cấp xã trên cơ sở tính điểm của các tiêu chí tại điểm b khoản 2 Điều này với cách tính điểm và phương pháp phân bổ vốn quy định tại khoản 4 và khoản 5 Điều này.

b) Ngân sách cấp xã

Cấp xã chịu trách nhiệm bố trí vốn cụ thể cho các nhiệm vụ, chương trình, dự án đúng quy định pháp luật thuộc các ngành, lĩnh vực theo quy định (trong đó bao gồm Đề án đo đạc lập hồ sơ địa chính của địa phương).”

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 12 tháng 8 năm 2026.
2. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết đảm bảo đúng các quy định của pháp luật.

3. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ khóa XX, Kỳ họp thứ Tư (kỳ họp chuyên đề) thông qua ngày 12 tháng 8 năm 2026./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh, Chính phủ;
- VPQH, VPCP;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản và TCTHPL (Bộ Tư pháp);
- TTTU, TTHĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- ĐU, TTHĐND, UBND các xã, phường;
- Trung tâm Thông tin - Công báo;
- Lưu: VT, TTDN1 HĐ9 HC6



CHỦ TỊCH

Bùi Đức Hình